

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/DS-PT

Ngày: 22/10/2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ngà là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19, 22 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 37/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2020/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Tho Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Nh.

Địa chỉ: Khu vực B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Thanh P, Văn phòng luật sư Trần Thanh P - Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: 17/12A, dãy B, Trần H, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.
Có mặt

- *Bị đơn:*

1. Bà Trịnh Thị Thúy T. Có mặt

2. Ông Phan Thanh H (đã chết).

Địa chỉ: Ấp 6, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Trịnh Thị Thúy T: Luật sư Trần Văn Đ, Văn phòng luật sư Trần Đ - Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Số 79, Hùng Vương, phường 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

- *Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Thanh Hiền, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

1. Anh Phan Trinh Trung L.

2. Chị Phan Thị Ngọc V.

Địa chỉ: Ấp 6, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

3. Anh Phan Tấn H.

4. Anh Phan Văn G.

5. Chị Phan Thị Ngọc Th.

Cùng địa chỉ: Khu vực X, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Th.

Địa chỉ: ấp 6, xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Nh, bà Trịnh Thị Thúy T.

Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tho án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày như sau:

Do quen biết nên bà có cho vợ chồng bị đơn ông Phan Thanh H và bà Trịnh Thị Thúy T vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 07/7/2016 bị đơn vay 60.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 08/7/2016 bị đơn vay 10.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 22/7/2016 bị đơn vay 90.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 28/10/2016 bị đơn vay 6.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 03/02/2017 bị đơn vay 120.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 07/02/2018 bị đơn vay 9.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 11/02/2018 bị đơn vay 10.000.000 đồng.

Lần 8: Ngày 28/02/2018 bị đơn vay 5.000.000 đồng.

Lần 9: Ngày 23/4/2018 bị đơn vay 80.000.000 đồng.

Lần 10: Ngày 26/4/2018 bị đơn vay 110.000.000 đồng.

Lần 11: Ngày 21/8/2018 bị đơn vay 80.000.000 đồng..

Tổng cộng các khoản vay với số tiền vốn là 580.000.000 đồng. Khi vay các bên tự thỏa thuận lãi suất; có làm biên nhận nợ và không thỏa thuận cụ thể thời hạn trả nợ. Bà T và ông H có giao cho bà Nh 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tín chấp. Quá trình vay nợ bị đơn có trả lãi đến ngày 20/8/2018 được số tiền 20.000.000 đồng; còn nợ tiền vốn gốc 580.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đến nay chưa thanh toán.

Nay bà Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền gốc còn nợ 580.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật trên các lần vay, thời gian tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với phần lãi 20.000.000 đồng bị đơn đã trả thì bà đồng ý khấu trừ lại cho bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Trịnh Thị Thúy T trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị Nh như sau:

Lần 1: Ngày 07/7/2016 bị đơn vay 60.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 08/7/2016 bị đơn vay 10.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 22/7/2016 bị đơn vay 90.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 28/10/2016 bị đơn vay 6.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 03/02/2017 bị đơn vay 120.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 07/02/2018 bị đơn vay 9.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 11/02/2018 bị đơn vay 10.000.000 đồng.

Lần 8: Ngày 28/02/2018 bị đơn vay 5.000.000 đồng.

Lần 9: Ngày 23/4/2018 bị đơn vay 80.000.000 đồng.

Lần 10: Ngày 21/8/2018 bị đơn vay 80.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản vay với số tiền vốn là 470.000.000 đồng. Đối với lần vay thứ 8 ngày 28/02/2018 số tiền 5.000.000 đồng là bà vay dùm bà Nguyễn Thị

Th; Bà Th đã đưa tiền cho bà trả cho bà Nh xong. Còn khoản vay 110.000.000 đồng ngày 26/4/2018 theo bà Nh trình bày là không đúng; theo biên nhận này chỉ là số tiền cộng dồn các khoản vay khác, không phải là biên nhận nợ. Trong các lần vay còn lại đều có làm biên nhận nợ, lãi suất thực tế bà Nh tính mức 7%/ngày. Khi vay bà có giao 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nh giữ, hiện tại đã nhận lại 01 giấy, bà Nh còn giữ 02 giấy chưa trả. Từ lúc vay đến nay bà đã trả đủ vốn và lãi cho bà Nh nhưng bà Nh không hủy biên nhận và không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Do đó, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu nguyên đơn phải trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số giấy CH00641 cấp ngày 26 tháng 7 năm 2011 do ông Phan Thanh H đứng tên và số 00537 cấp ngày 28 tháng 02 năm 2003 do hộ Phan Thanh H đứng tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày: Ngày 13/01/2018 âm lịch, bà có nhờ bà Trịnh Thị Thúy T vay của bà Nh số tiền 5.000.000 đồng. Bà đã đưa tiền cho bà T trả vốn và lãi cho bà Nh xong. Nay bà không còn liên quan đến số tiền vay này nên không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Thanh H gồm: anh Phan Trịnh Trung L, chị Phan Thị Ngọc V thống nhất với lời trình bày của bà Trịnh Thị Thúy T. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Thanh H gồm: anh Phan Tấn H, anh Phan Văn G, chị Phan Thị Ngọc T quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 141/2020/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh.

2. Buộc bà Trịnh Thị Thúy T và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Phan Thanh H gồm: Phan Tấn H, Phan Văn G, Phan Thị Ngọc T, Phan Trịnh Trung L, Phan Thị Ngọc V phải trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền vay còn nợ 395.535.002đ (ba trăm chín mươi lăm triệu năm trăm ba mươi ba nghìn không trăm lẻ hai đồng); trong đó tiền vốn gốc 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng), lãi 125.535.002đ (một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn không trăm lẻ hai đồng). Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Phan Thanh H gồm: Phan Tấn H, Phan Văn G, Phan Thị Ngọc T, Phan Trịnh Trung L, Phan Thị Ngọc V chỉ thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi tài sản của ông Phan Thanh H để lại.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án Tho mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; trường hợp không thỏa thuận được mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Buộc bà Nguyễn Thị Nh phải trả lại cho bà Trịnh Thị Thúy T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy CH00641 cấp ngày 26 tháng 7 năm 2011 do ông Phan Thanh H đứng tên và số 00537 cấp ngày 28 tháng 02 năm 2003 do hộ Phan Thanh H đứng tên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 18/12/2020 bà Trịnh Thị Thúy T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu bà Nh trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 18/12/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện L kháng nghị bản án số 141/2020/DS-ST ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện L về phần số tiền 110.000.000 đồng theo biên nhận phần kết thúc ghi ngày 26/4/2018 theo hướng sửa án, chấp nhận cho nguyên đơn số tiền này.

Ngày 21/12/2020 bà Nguyễn Thị Nh kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận biên nhận ghi ngày 26/4/2018 với số tiền vay 110.000.000 đồng. Chấp nhận quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L. Ngày 21/01/2021 bà Nh có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Nh thừa nhận biên nhận ngày 26/4/2018 là biên nhận cộng dồn nhưng do bà T dồn các khoản cho Hội phụ nữ vay chứ không phải cộng dồn các biên nhận vay trước.

Bị đơn bà Trịnh Thị Thúy T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng đã trả hết số tiền vay cho bà Nh.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Đối với số tiền 110.000.000 đồng theo biên nhận ngày 26/4/2018 có sai lệch về ngày

tháng nhưng bà T thừa nhận biên nhận nợ là do bà T viết thì bà T phải có nghĩa vụ chứng minh việc trả nợ của mình. Việc bà Nh cho ông H rút lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB:032414, diện tích 12.600m² để trả số tiền 200.000.000 đồng, thực tế bà Nh chưa nhận số tiền 200.000.000 đồng từ bà T nên bà Nh không có ký tên vào sổ của bà T và cũng chưa trả lại biên nhận nợ cho bà T. Do đó lời trình bày của bà Nh là có cơ sở để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu: Các chứng cứ nguyên đơn cung cấp toàn bộ là bản chính nhưng các biên nhận nợ đều chỉnh sửa. Các đương sự thống nhất biên nhận ngày 26/4/2018 là biên nhận chốt nợ nên bị đơn không phải chứng minh. Biên nhận ngày 26/4/2018 bị đơn đã trả tiền cho nguyên đơn thì nguyên đơn mới trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án, Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm số 141/2020/DSST ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang theo hướng chấp nhận biên nhận ngày 26/4/2018 là biên biên nhận cộng dồn vốn của các lần vay trước ngày 26/4/2018 và các biên nhận trước đó được thay thế bởi biên nhận ngày 26/4/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang kháng nghị trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Đối với kháng cáo bổ sung của nguyên đơn ngày 21/01/2021 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, kháng cáo bổ sung

của nguyên đơn đã quá thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Phạm vi kháng cáo bổ sung đã vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo bổ sung của bà Nguyễn Thị Nh.

[1.2] Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Thanh H đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án anh Phan Trịnh Trung L, chị Phan Thị Ngọc V, anh Phan Tấn H, anh Phan Văn G, chị Phan Thị Ngọc T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận biên nhận nợ ngày 26/4/2018 với số tiền bị đơn đã vay 110.000.000 đồng là biên nhận độc lập. Xét biên nhận nợ ngày 26/4/2017 (26/4/2018) do nguyên đơn cung cấp (bút lục 20), Hội đồng xét xử xét thấy, biên nhận nợ có dấu hiệu bôi xóa, chỉnh sửa ngày tháng năm, chỉnh sửa số tiền bằng số và gạt bỏ số tiền ghi bằng chữ.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất số tiền bằng số và chữ do bị đơn chỉnh sửa nhưng chữ “Hỏi” trong biên nhận nợ do nguyên đơn sửa, ngày trong biên nhận nợ là ngày 26/4/2018 không phải là năm 2017, biên nhận này là biên nhận cộng dồn, không phải biên nhận nợ vay mới nhưng nguyên đơn cho rằng biên nhận cộng dồn những lần vay khác không phải trong 11 lần vay mà nguyên đơn yêu cầu. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ những lần vay khác để chứng minh biên nhận ngày 26/4/2018 là độc lập, các bên thừa nhận là biên nhận cộng dồn nên Hội đồng xét xử xác định là biên nhận cộng dồn của những lần vay trước đó. Do vậy, kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Việc nguyên đơn thừa nhận biên nhận ngày 26/4/2018 là biên nhận cộng dồn, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì tình tiết trên không phải chứng minh bằng chứng cứ. Do đó, nguyên đơn cho rằng biên nhận nợ ngày 26/4/2018 là một biên nhận độc lập và kháng cáo yêu cầu Tòa án chấp nhận số tiền 110.000.000 đồng cho nguyên đơn là không có cơ sở để Tòa án chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn Trịnh Thị Thúy T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về số tiền vốn vay: Nguyên đơn cho rằng bị đơn vay tiền của nguyên đơn 11 lần với tổng số tiền 580.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 11 biên nhận nợ. Bị đơn thống nhất thời gian và số tiền vay được ghi trong 10 biên nhận nợ với tổng số tiền 470.000.000 đồng

nhưng bị đơn đã trả xong số tiền vốn và lãi các lần vay cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cung cấp cho Tòa án sổ theo dõi nợ (bút lục 114), trong đó có ghi “*fần trả tiền vốn 200 triệu*”, sau khi bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng, nguyên đơn trả lại cho ông H chồng bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB:032414, diện tích 12.600m². Xét thấy, theo biên bản phiên tòa sơ thẩm (bút lục 195) bà Nh thừa nhận có ghi vào sổ của bà T trả vốn 200.000.000 đồng nhưng bà Nh chưa nhận tiền mâu thuẫn với lời trình bày của bà Nh tại phiên tòa phúc thẩm, bà chỉ ghi vào sổ của bà T chữ “*Tiền vốn 200 triệu*” không ghi chữ “*fần trả*” nhằm mục đích cho ông H mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền Ngân hàng trả cho bà Nh số tiền 200.000.000 đồng. Ngoài ra, trong sổ Tho dõi nợ bà T cung cấp (bút lục 114) có ghi “*01/10/17 trừ vào biên nhận 120tr - 60tr, 20tr,...*” do bà T viết, ngày tháng năm trong sổ được ghi liên tục từ năm 2016 đến năm 2017 không có chỉnh sửa hay chèn thêm ngày vào. Việc ngày 01/10/2017 bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng đến ngày 02/10/2017 nguyên đơn trả lại cho bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 12.600m² (theo biên nhận ngày 03/02/2017 bút lục 16) phù hợp với lời trình bày của bị đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, năm 2017 sau khi khấu trừ 200.000.000 đồng cho các biên nhận ngày 03/02/2017 số tiền 120.000.000 đồng, 07/07/2016 số tiền 60.000.000 đồng, 08/7/2016 số tiền 10.000.000 đồng, 22/7/2016 số tiền 10.000.000 đồng của khoản vay 90.000.000 đồng bị đơn còn nợ lại nguyên đơn tổng số tiền 86.000.000 đồng.

Năm 2018 nguyên đơn tiếp tục cho bị đơn vay nhiều lần, đến ngày 26/4/2018 các đương sự thống nhất cộng dồn số tiền 110.000.000 đồng (theo nhận định ở mục [2.1]) thì các biên nhận trước đó không còn giá trị (biên nhận ngày 07/02/2018 là 9.000.000 đồng, ngày 11/02/2018 là 10.000.000 đồng, ngày 28/02/2018 là 5.000.000 đồng, ngày 23/4/2018 là 80.000.000 đồng).

Từ những phân tích, đánh giá trên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Trịnh Thị Thúy T. Xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 276.000.000 đồng trong đó: 86.000.000 đồng (số tiền còn nợ lại năm 2017) + 110.000.000 đồng (biên nhận ngày 26/4/2018) + 80.000.000 đồng (biên nhận ngày 21/8/2018).

[2.3] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa án sơ thẩm chấp nhận cho nguyên đơn số tiền 110.000.000 đồng. Xét thấy, theo nhận định tại mục [2.1] biên nhận ngày 26/4/2018 là biên nhận cộng dồn các lần vay trước đó, không phải là khoản tiền

vay độc lập do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L không có cơ sở để Tòa án chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu tính lãi: Do các bên không thỏa thuận được về việc trả lãi nên căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng nội dung quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để áp dụng tính lãi suất cho nguyên đơn.

Căn cứ Tho điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP thì lãi suất được tính như sau:

- Số tiền 86.000.000 đồng từ ngày 01/10/2017 đến ngày 07/12/2020:

$86.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 1.164 \text{ ngày} = 27.425.753 \text{ đồng}.$

- Số tiền 110.000.000 đồng ngày 26/4/2018 đến ngày 07/12/2020:

$110.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 957 \text{ ngày} = 28.841.096 \text{ đồng}.$

- Số tiền 80.000.000đ ngày 21/8/2018 đến ngày 07/12/2020:

$80.000.000\text{đ} \times 10\%/năm \times 840 \text{ ngày} = 18.410.959 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền lãi của tất cả các khoản vay là 74.677.808 đồng. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả lãi được 20.000.000 đồng nên được khấu trừ lại. Như vậy, bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn đến thời điểm xét xử sơ thẩm với số tiền 54.677.808 đồng.

[3] Phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và bị đơn không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang thống nhất biên nhận ngày 26/4/2018 là biên nhận cộng dồn các lần vay trước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 227, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng nội dung quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị Thúy T.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh.

2. Buộc bị đơn bà Trịnh Thị Thúy T và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Phan Thanh H gồm: Phan Tấn H, Phan Văn G, Phan Thị Ngọc T, Phan Trịnh Trung L, Phan Thị Ngọc V phải trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền vay còn nợ 330.677.808 đồng (*ba trăm ba mươi triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng*); trong đó tiền vốn gốc 276.000.000 đồng (*hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng*), lãi 54.677.808 đồng (*năm mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm lẻ tám đồng*). Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Phan Thanh H gồm: Phan Tấn H, Phan Văn G, Phan Thị Ngọc T, Phan Trịnh Trung L, Phan Thị Ngọc V chỉ thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi tài sản của ông Phan Thanh H để lại.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh phải trả lại cho bị đơn bà Trịnh Thị Thúy T và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Phan Thanh H gồm: Phan Tấn H, Phan Văn G, Phan Thị Ngọc T, Phan Trịnh Trung L, Phan Thị Ngọc V 02 giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy CH00641 cấp ngày 26 tháng 7 năm 2011 do ông Phan Thanh H đứng tên và số 00537 cấp ngày 28 tháng 02 năm 2003 do hộ Phan Thanh H đứng tên.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 15.200.000 đồng (*mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng*). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp 15.696.213 đồng (*mười lăm triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm mười ba đồng*) Tho biên lai thu tiền số 0019781 lập ngày

05/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Bà Nh được nhận lại 496.213 đồng (*bốn trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm mười ba đồng*).

Buộc bị đơn bà Trịnh Thị Thúy T và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Phan Thanh H gồm: Phan Tấn H, Phan Văn G, Phan Thị Ngọc T, Phan Trịnh Trung L, Phan Thị Ngọc V phải chịu 16.533.890 đồng (*mười sáu triệu năm trăm ba mươi ba nghìn tám trăm chín mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trong đó, những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Phan Thanh H gồm: Phan Tấn H, Phan Văn G, Phan Thị Ngọc T, Phan Trịnh Trung L, Phan Thị Ngọc V chỉ thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi tài sản của ông Phan Thanh H để lại.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh phải chịu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Nh đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006674, ngày 21/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn bà Trịnh Thị Thúy T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006670, ngày 18/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành Tho quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án Tho quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện Tho quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 22/10/2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. Long Mỹ;
- Chi cục THADS H. Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Dương Quốc Tuấn